

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

-----***-----



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2022

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

**DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2022**

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KỲ BÁO CÁO	TRANG
1	B01-DN/HN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ III NĂM 2022	1-2
2	B02-DN/HN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ III NĂM 2022	3-3
3	B03-DN/HN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ III NĂM 2022	4-4
4	B09-DN/HN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ III NĂM 2022	5-20

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
TẠI NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2022**

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/09/2022	NGÀY 01/01/2022
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		428.860.363.787	353.944.846.810
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	215.072.864.014	178.500.086.206
1 - Tiền	111		215.072.864.014	158.500.086.206
2 - Các khoản tương đương tiền	112		-	20.000.000.000
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	82.554.520.548	40.000.000.000
3- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		82.554.520.548	40.000.000.000
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.861.330.900	60.897.430.886
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	30.813.610.556	30.233.162.041
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.663.021.513	1.191.489.885
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	19.076.286.609	40.164.366.738
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(10.691.587.778)	(10.691.587.778)
IV - Hàng tồn kho	140		41.365.681.586	43.486.569.667
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	41.365.681.586	43.486.569.667
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		47.005.966.739	31.060.760.051
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.824.305.608	2.569.764.889
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		43.990.616.838	22.827.630.352
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	191.044.293	5.663.364.810
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		276.430.265.818	359.955.157.266
(200 = 210 + 220 + 230+ 240 + 250 + 260)				
II - Tài sản cố định	220		241.186.230.192	306.509.733.605
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	240.933.641.292	306.120.644.711
- Nguyên giá	222		1.392.532.466.860	1.392.407.966.860
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.151.598.825.568)	(1.086.287.322.149)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9	252.588.900	389.088.894
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(412.065.600)	(275.565.606)
				-
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	4.769.509.137	5.424.942.921
- Nguyên giá	231		24.550.647.769	24.550.647.769
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(19.781.138.632)	(19.125.704.848)
IV- Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	3.445.434.004	1.030.015.564
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.445.434.004	1.030.015.564
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		141.890.805	121.679.205
1 - Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 - Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	537.428.525	537.428.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(395.537.720)	(415.749.320)
VI - Tài sản dài hạn khác	260		26.887.201.680	46.868.785.971
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	26.887.201.680	46.868.785.971
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		705.290.629.605	713.900.004.076

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

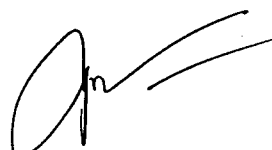
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/09/2022	NGÀY 01/01/2022
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		243.726.973.471	471.617.122.782
I - Nợ ngắn hạn	310		228.057.523.471	380.545.803.948
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	25.605.499.517	26.120.610.664
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.604.465.000	111.355.200
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	16.399.870.940	924.133.687
4 - Phải trả người lao động	314		45.691.091.545	35.039.280.750
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	108.292.739	912.500.990
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	12.561.978.847	31.072.272.120
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	95.215.557.563	154.564.700.606
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	29.097.000.000	130.767.814.831
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		773.767.320	1.033.135.100
II - Nợ dài hạn	330		15.669.450.000	91.071.318.834
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	-	9.874.262.994
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	15.669.450.000	81.197.055.840
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		461.563.656.134	242.282.881.294
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.21	461.563.656.134	242.282.881.294
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		83.086.506.355	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		178.477.149.779	(40.649.840.560)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		114.721.251.759	(218.473.796.732)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		63.755.898.020	177.823.956.172
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		705.290.629.605	713.900.004.076

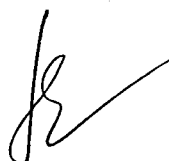
Lập ngày 10 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Dương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

Mẫu số : B02-DN
(Ban hành theo thông tư số 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

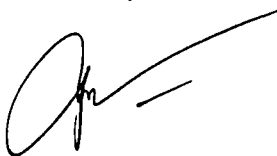
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
QUÝ III NĂM 2022**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ III	
			NĂM NAY	NĂM TRƯỚC	NĂM 2022	NĂM 2021
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	275.350.038.425	240.231.843.773	830.893.013.213	627.539.795.539
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	275.350.038.425	240.231.843.773	830.893.013.213	627.539.795.539
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	182.767.425.845	156.978.545.128	571.195.804.360	470.756.319.272
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20		92.582.612.580	83.253.298.645	259.697.208.853	156.783.476.267
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	7.152.117.534	5.692.283.028	10.020.930.773	13.608.525.303
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	3.162.933.110	5.808.740.417	10.089.780.219	17.218.742.304
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		1.620.722.224	5.364.046.150	7.964.690.613	16.384.923.620
8 - Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	24					
9 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	6.371.592.106	5.555.502.833	17.990.492.426	15.736.824.671
10 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	10.557.047.354	8.605.352.519	29.955.938.963	22.991.064.296
11 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		79.643.157.544	68.975.985.904	211.681.928.018	114.445.370.299
30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)						
12 - Thu nhập khác	31	VI.30	15.034	456.400	61.454.244.887	24.768.884.375
13 - Chi phí khác	32	VI.31	49.364.316	376.000	51.099.531	1.000.376.001
14 - Lợi nhuận khác (40 = 31- 32)	40		(49.349.282)	80.400	61.403.145.356	23.768.508.374
15 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		79.593.808.262	68.976.066.304	273.085.073.374	138.213.878.673
16 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		15.837.910.242	32.976.115	53.732.532.434	76.616.034
17 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
18 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		63.755.898.020	68.943.090.189	219.352.540.940	138.137.262.639
19- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		63.755.898.020	68.943.090.189	219.352.540.940	138.137.262.639
20- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
21 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		3.184	3.447	10.968	6.907
22 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-	-	-

Lập ngày 10 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI LẬP

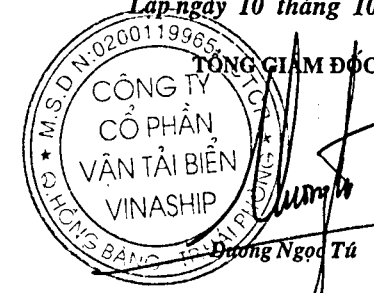


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đương Ngọc Tú

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
QUÝ III NĂM 2022

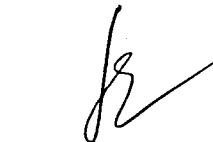
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý III	
			NĂM 2022	NĂM 2021
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Lợi nhuận trước thuế	01		273.085.073.374	138.213.878.673
2 - Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		66.103.437.197	64.995.257.068
- Các khoản dự phòng	03		(20.211.600)	(1.397.141.400)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.521.998.876)	(3.405.539.905)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.975.121.539)	(9.783.367.733)
- Chi phí lãi vay	06		7.964.690.613	16.384.923.620
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(61.350.008.110)	(24.767.043.813)
3 - Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		278.285.861.059	180.240.966.510
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		18.863.738.099	(23.905.422.900)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.120.888.081	(15.607.811.778)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(20.165.670.985)	31.093.214.115
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		19.727.043.572	(9.607.384.837)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(2.196.382.578)	(6.523.262.685)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.540.848.753)	(59.679.765)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		479.607.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(810.740.880)	(569.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		263.763.494.615	155.061.618.660
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(5.402.388.857)	(6.168.431.932)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(132.807.424.658)	(80.000.000.000)
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		90.252.904.110	-
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(456.228.000)
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	15.686.363.387
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.569.214.532	14.042.971
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(44.387.694.873)	(70.924.253.574)
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền thu từ đi vay	33	VII	-	4.190.000.000
4 - Tiền trả nợ gốc vay	34	VII	(187.252.542.772)	(29.240.000.000)
5 - Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.900.000)	(91.630.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(187.256.442.772)	(25.141.630.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		32.119.356.970	58.995.735.086
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		178.500.086.206	21.935.504.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		4.453.420.838	(321.412.454)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		215.072.864.014	80.609.827.037

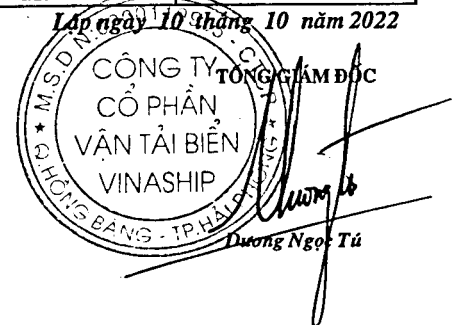
Lập ngày 10 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU


Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Thị Thanh Hương



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY III NĂM 2022

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần, Tổng công ty hàng hải Việt Nam sở hữu 51%

- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/09/2022, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

- Công ty con: 01 công ty con được hợp nhất

Công ty TNHH Dịch vụ hàng hải Vinaship tại 280 Ngô Quyền, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/09/2022, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 513 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;
- Dịch vụ hợp tác lao động ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý III năm 2022 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Thị trường cước tàu hàng khô quốc tế trong quý 3/2022 có chiều hướng suy thoái khi chỉ số giá cước tàu hàng khô BDI liên tục điều chỉnh giảm từ mức 2500 điểm xuống dưới ngưỡng 2000 điểm. Trong bối cảnh giá cước liên tục tụt sâu và nhanh, các chủ hàng có xu hướng tạm dừng ký kết các hợp đồng mới và chờ mức cước thấp hơn nữa nên các đơn hàng phát sinh trong giai đoạn khá nhỏ giọt. Điều này khiến đội tàu công ty gặp nhiều khó khăn trong việc chốt đơn hàng, doanh thu vận tải biển quý 3 sụt giảm so với quý trước tuy nhiên vẫn đạt ở mức cao so với cùng kỳ năm ngoái.

I – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

- 1- **Kỳ kế toán quý III** : bắt đầu từ ngày 01/07 và kết thúc vào ngày 30/09 của năm. Kỳ kế toán quý III năm 2022 bắt đầu từ ngày 01/07/2022 đến 30/09/2022.
- 2- **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Chế độ kế toán áp dụng** : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán tập trung.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- **Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá bình quân gia quyền
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT/BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan. Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.
+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.
- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.
- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí ,thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

	Toàn công ty Ngày 30/09/2022	Toàn công ty Ngày 01/01/2022
1- Tiền		
- Tiền mặt	1.266.395.689	855.575.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	213.806.468.325	157.644.511.206
- Các khoản tương đương tiền	-	20.000.000.000
Cộng	215.072.864.014	178.500.086.206
2- Các khoản đầu tư tài chính	Ngày 30/09/2022	Ngày 01/01/2022
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	82.554.520.548	40.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	82.554.520.548	40.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
- Đầu tư vào công ty con	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-
- Đầu tư cổ phiếu	537.428.525	537.428.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/06/2022</i>		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 11 CP	409.605	409.605
Cộng	83.091.949.073	40.537.428.525
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(395.537.720)	(415.749.320)
Cộng	(395.537.720)	(415.749.320)
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Ngày 30/09/2022	Ngày 01/01/2022
- Cty TNHH vận tải hàng công nghệ cao	1.607.654.469	1.850.361.117
- Cty TNHH TMDV Xăng dầu Thiên Phúc	3.669.880.621	699.236.925
- HC Trading Asia and Pacific Pte	3.206.347.059	369.078.648
- Cty CP Vận tải biển Hoàng Sơn	5.635.289.073	10.635.289.073
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	16.694.439.334	16.679.196.278
Cộng	30.813.610.556	30.233.162.041
4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	Ngày 30/09/2022	Ngày 01/01/2022
- Tạm ứng	5.229.237.429	3.763.266.242
- Ký cược, ký quỹ	1.369.000.000	21.369.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	1.656.976.343	3.399.486.506
- Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- KPCĐ	-	210.392
- BH tai nạn	8.583.886	10.831.386

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

- Bảo hiểm xã hội	266.319.741	258.217.581
- Bảo hiểm y tế	15.845.616	14.166.547
- Bảo hiểm thất nghiệp	39.025.017	38.669.348
- Thuế TNCN	-	15.891.386
- Phải thu khoản hỗ trợ thành phố trong việc bàn giao đất TM8	-	317.252.000
- Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân	2.930.071.581	2.983.955.413
- Lãi dự thu	-	594.082.193
- Các khoản phải thu khác	218.739.422	56.850.170
+ Phải thu khác	<u>218.739.422</u>	<u>56.850.170</u>
Cộng	<u>19.076.286.609</u>	<u>40.164.366.738</u>
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>Ngày 30/09/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
- Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
- Cty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	636.440.000
- Cty CP thương mại vận tải Thiên Thành	158.378.400	158.378.400
- Cty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	1.104.934.000
- Nguyễn Văn Bình	370.500.000	370.500.000
- Cty TNHH Thương mại và sản xuất ABC	88.033.050	88.033.050
- Cty TNHH Xây dựng sản xuất thương mại Hoàng Hà	199.080.000	199.080.000
Cộng	<u>10.691.587.778</u>	<u>10.691.587.778</u>
6- Hàng tồn kho	<u>Ngày 30/09/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	41.253.961.771	43.318.914.139
- Công cụ, dụng cụ	29.074.000	15.024.000
- Hàng hoá	<u>82.645.815</u>	<u>152.631.528</u>
Cộng	<u>41.365.681.586</u>	<u>43.486.569.667</u>
7- Xây dựng cơ bản dở dang	<u>Ngày 30/09/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Chi phí XD lô đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	3.347.416.804	938.058.364
+ Sửa chữa lớn tài sản cố định	<u>6.060.000</u>	-
Cộng	<u>3.445.434.004</u>	<u>1.030.015.564</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình 09 tháng năm 2022

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH. TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
1. Số dư đầu kỳ		6.530.306.188	1.385.429.517.365	130.752.694	317.390.613	1.392.407.966.860
2. Số tăng trong kỳ		124.500.000	-	-	-	124.500.000
Trong đó :						
- Do mua sắm		124.500.000				124.500.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
Trong đó :						
4. Số cuối kỳ		6.654.806.188	1.385.429.517.365	130.752.694	317.390.613	1.392.532.466.860
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.239.945.900	82.558.880.849	100.752.694	284.881.522	86.184.460.965
- Chờ thanh lý						-
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ						
1. Đầu kỳ		5.055.150.335	1.080.812.809.859	124.185.883	295.176.072	1.086.287.322.149
2. Tăng trong kỳ		157.173.157	65.145.020.518	3.214.287	6.095.457	65.311.503.419
- Khấu hao		157.173.157	65.145.020.518	3.214.287	6.095.457	65.311.503.419
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư						-
3. Giảm trong kỳ		-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ		5.212.323.492	1.145.957.830.377	127.400.170	301.271.529	1.151.598.825.568
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		1.475.155.853	304.616.707.506	6.566.811	22.214.541	306.120.644.711
2. Cuối kỳ		1.442.482.696	239.471.686.988	3.352.524	16.119.084	240.933.641.292
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			231.706.797.900			231.706.797.900

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

9- Tăng, giảm tài sản cố định vô hình 09 tháng năm 2022

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá				
1. Số dư đầu kỳ		-	664.654.500	664.654.500
2. Số tăng trong kỳ		-	-	-
Trong đó :				
- Mua trong kỳ				-
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
Trong đó :				
- Giảm khác				-
4. Số cuối kỳ		-	664.654.500	664.654.500
II - Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Đầu kỳ		-	275.565.606	275.565.606
2. Tăng trong kỳ		-	136.499.994	136.499.994
Do trích khấu hao			136.499.994	136.499.994
3. Giảm trong kỳ		-	-	-
- Chuyển sang CCDC theo TT45				-
- Giảm khác				-
4. Số cuối kỳ		-	412.065.600	412.065.600
III - Giá trị còn lại				
1. Đầu kỳ		-	389.088.894	389.088.894
2. Cuối kỳ		-	252.588.900	252.588.900

10- Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính 09 tháng năm 2022: Không có

11 - Tăng, giảm bất động sản đầu tư 09 tháng năm 2022

CHỈ TIÊU	NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIÊN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
I - Nguyên giá				
1. Số dư đầu kỳ		24.422.357.623	128.290.146	24.550.647.769
2. Số tăng trong kỳ		-	-	-
- Do chuyển từ TSCĐ sang				-
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
Trong đó :				
- Do chuyển sang TSCĐ hữu hình				-
4. Số dư cuối kỳ		24.422.357.623	128.290.146	24.550.647.769
II - Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu kỳ		18.997.414.702	128.290.146	19.125.704.848
2. Số tăng trong kỳ		655.433.784	-	655.433.784
- Do chuyển từ TSCĐ sang				-
- Do trích khấu hao		655.433.784		655.433.784
3. Số giảm trong kỳ		-	-	-
4. Số cuối kỳ		19.652.848.486	128.290.146	19.781.138.632
III - Giá trị còn lại				
1. Số dư đầu kỳ		5.424.942.921	-	5.424.942.921
4. Số dư cuối kỳ		4.769.509.137		4.769.509.137

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

	<u>Ngày 30/09/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
12- Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.818.111.084	2.544.186.967
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.194.524	25.577.922
Cộng	<u>2.824.305.608</u>	<u>2.569.764.889</u>
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	26.887.201.680	46.821.579.143
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	47.206.828
Cộng	<u>26.887.201.680</u>	<u>46.868.785.971</u>
 14- Vay và nợ thuê tài chính		
a) Vay ngắn hạn	10.000.000.000	28.000.000.000
Trong đó :		
+ Vay cá nhân	-	28.000.000.000
+ Nợ ngắn hạn DATC	10.000.000.000	-
b) Vay dài hạn	34.766.450.000	183.964.870.671
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	19.097.000.000	102.767.814.831
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	19.097.000.000	31.097.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	-	71.670.814.831
+ Nợ dài hạn đến hạn trả DATC	-	-
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	15.669.450.000	81.197.055.840
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	15.669.450.000	25.713.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	-	55.483.605.840
+ Nợ dài hạn DATC	-	-
Cộng	<u>44.766.450.000</u>	<u>211.964.870.671</u>
 15- Phải trả người bán		
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Monjasa	-	-
Cty CP Xuất nhập khẩu Kim Việt	9.122.255.000	3.107.559.450
Công ty CP Vinam Petrol	2.778.556.050	-
Phải trả các đối tượng khác	13.704.688.467	23.013.051.214
Cộng	<u>25.605.499.517</u>	<u>26.120.610.664</u>
 16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
a) Phải nộp		
- Thuế GTGT	456.753.580	826.292.978
- Thuế TNDN	15.837.910.242	12.693.386
- Thuế thu nhập cá nhân	105.207.118	85.147.323
Cộng	<u>16.399.870.940</u>	<u>924.133.687</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

b) Phải thu		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	-	5.366.466.825
- Tiền thuê đất được giảm 30% trong năm 2021	137.951.900	296.897.985
- Thuế GTGT nộp thừa	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	53.092.393	-
Cộng	191.044.293	5.663.364.810
17- Chi phí phải trả	Ngày 30/09/2022	Ngày 01/01/2022
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	108.292.739	136.990.990
- Chi phí phải trả khác	-	775.510.000
	108.292.739	912.500.990
18- Phải trả khác	Ngày 30/09/2022	Ngày 01/01/2022
Ngắn hạn		
- Công đoàn phí	119.019.568	221.038.600
- Kinh phí công đoàn	244.287.715	33.288.974
- Bảo hiểm y tế	44.113.783	48.191.321
- Thuế TNCN	40.637.924	46.017.533
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.221.467.500	32.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.686.441.588	7.690.341.588
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	1.929.351.425	1.673.159.607
- Phải trả lãi vay các tổ chức tín dụng	20.613.908.803	37.863.792.536
- Nợ chờ xử lý do tái cơ cấu	58.628.174.289	106.389.790.051
- Thu chi hộ	4.408.800	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	683.746.168	567.080.396
Cộng	95.215.557.563	154.564.700.606
Dài hạn		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	-	9.874.262.994
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	-	-
Cộng	-	9.874.262.994
19- Doanh thu chưa thực hiện	Ngày 30/09/2022	Ngày 01/01/2022
Ngắn hạn		
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	12.547.640.324	31.057.933.597
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, bãi xe	14.338.523	14.338.523
Cộng	12.561.978.847	31.072.272.120

20- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :
a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu 09 tháng năm 2022

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(218.473.796.732)	64.458.925.122
Tăng trong năm trước				-
- Tăng vốn trong năm nay				-
- Lãi năm 2021			177.823.956.172	177.823.956.172
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái				-
- Giảm khác				-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(40.649.840.560)	242.282.881.294
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(40.649.840.560)	242.282.881.294
-Lãi Quý I			40.173.894.883	40.173.894.883
- Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2021		153.784.501	(225.550.601)	(71.766.100)
-Lãi Quý II			115.422.748.037	115.422.748.037
-Lãi Quý III			63.755.898.020	63.755.898.020
Số dư cuối ngày 30/09/2022	200.000.000.000	83.086.506.355	178.477.149.779	461.563.656.134

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:

Theo danh sách cổ đông chốt ngày 15/04/2022

	<u>Ngày 30/09/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
- Vốn góp của Nhà nước 51% VDL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 49 % VDL	98.000.000.000	98.000.000.000
Cộng	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>200.000.000.000</u></u>

c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :

	<u>Ngày 30/09/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	<u><u>200.000.000.000</u></u>	<u><u>200.000.000.000</u></u>

d) Cổ phiếu

	<u>Ngày 30/09/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	0
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP

e) Các quỹ của doanh nghiệp :

	<u>09 tháng năm 2022</u>	<u>09 tháng năm 2021</u>
- Quỹ đầu tư phát triển		
+ Số dư quỹ đầu kỳ	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong kỳ	153.784.501	-
+ Giảm trong kỳ	-	-
+ Số dư quỹ cuối kỳ	<u><u>83.086.506.355</u></u>	<u><u>82.932.721.854</u></u>
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
+ Số dư quỹ đầu kỳ	1.033.135.100	1.675.035.100
+ Tăng trong kỳ	551.373.100	-
<i>Thu nhập từ bán cổ phiếu VNA đầu tư từ quỹ phúc lợi</i>	479.607.000	-
<i>Trích lập quỹ phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 của công ty con</i>	71.766.100	-
+ Giảm trong kỳ	810.740.880	448.800.000
+ Số dư quỹ cuối kỳ	<u><u>773.767.320</u></u>	<u><u>1.226.235.100</u></u>

23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Ngoại tệ các loại

	<u>Ngày 30/09/2022</u>	<u>Ngày 01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	8.622.693,85	6.530.523,26

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :

	<u>09 tháng Năm 2022</u>	<u>09 tháng Năm 2021</u>
24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV (MS 01)	830.893.013.213	627.539.795.539
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó :</i>		
+ Doanh thu hoạt động vận tải biển	770.514.065.495	579.104.346.734
+ Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	60.378.947.718	48.435.448.805
	<u>830.893.013.213</u>	<u>627.539.795.539</u>
26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)		
	<u>830.893.013.213</u>	<u>627.539.795.539</u>
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	<u>09 tháng Năm 2022</u>	<u>09 tháng Năm 2021</u>
- Giá vốn của hoạt động vận tải biển	516.584.555.708	426.838.226.278
- Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ khác đã cung cấp	54.611.248.652	43.918.092.994
Cộng	<u>571.195.804.360</u>	<u>470.756.319.272</u>
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	<u>09 tháng Năm 2022</u>	<u>09 tháng Năm 2021</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.975.121.539	14.042.971
- Lãi bán cổ phiếu	-	9.792.541.375
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.800	
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.523.799.558	396.401.052
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	4.521.998.876	3.405.539.905
Cộng	<u>10.020.930.773</u>	<u>13.608.525.303</u>
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	<u>09 tháng Năm 2022</u>	<u>09 tháng Năm 2021</u>
- Chi phí lãi vay	7.964.690.613	16.384.923.620
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.145.239.879	1.978.174.984
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(20.211.600)	(1.168.317.400)
- Chi phí tài chính khác	61.327	23.961.100
Cộng	<u>10.089.780.219</u>	<u>17.218.742.304</u>
30- Thu nhập khác	<u>09 tháng Năm 2022</u>	<u>09 tháng Năm 2021</u>
- Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay ngân hàng	61.350.008.110	24.767.043.813
- Các khoản khác	104.236.777	1.840.562
Cộng	<u>61.454.244.887</u>	<u>24.768.884.375</u>
31- Chi phí khác	<u>09 tháng Năm 2022</u>	<u>09 tháng Năm 2021</u>
- Chênh lệch lỗ khi nhượng bán TSCĐ	-	-
- Tiền ủng hộ quỹ vaccine phòng dịch Covid 19	-	1.000.000.000
- Phạt chậm nộp thuế	1.735.215	-
- Các khoản bị phạt	-	376.000
- Các khoản khác	49.364.316	1
Cộng	<u>51.099.531</u>	<u>1.000.376.001</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

	<u>09 tháng Năm 2022</u>	<u>09 tháng Năm 2021</u>
32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Chi phí bán hàng	17.990.492.426	15.736.824.671
Hoa hồng phí cho các tàu	17.990.492.426	15.736.824.671
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.955.938.963	22.991.064.296
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	928.077.648	849.138.939
Chi phí nhân công	24.079.512.860	18.608.827.799
Chi phí khấu hao tài sản cố định	532.404.881	513.810.759
Thuế, phí, lệ phí	7.000.000	7.000.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	(228.824.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.362.126.258	1.304.685.498
Chi phí khác bằng tiền	3.046.817.316	1.936.425.301
Cộng	<u><u>47.946.431.389</u></u>	<u><u>38.727.888.967</u></u>

	<u>09 tháng Năm 2022</u>	<u>09 tháng Năm 2021</u>
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :		
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	262.572.728.968	190.949.066.009
- Nhiên liệu	248.267.886.481	176.819.758.891
- Nguyên liệu, vật liệu	14.304.842.487	14.129.307.118
33.2- Chi phí nhân công	112.539.344.135	96.312.355.936
- Tiền lương	99.791.296.720	83.981.335.954
- BHXH	5.182.114.214	4.740.095.170
- Bảo hiểm y tế	621.845.383	581.529.234
- Bảo hiểm thất nghiệp	(428.015)	273.068.926
- Kinh phí công đoàn	604.595.833	546.137.852
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	6.339.920.000	6.190.188.800
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	66.103.437.202	64.995.257.068
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	171.924.690.884	152.037.244.447
33.6- Chi phí khác bằng tiền	6.002.034.560	5.419.108.779
Cộng	<u><u>619.142.235.749</u></u>	<u><u>509.713.032.239</u></u>

34- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	53.732.532.434	76.616.034
---	----------------	------------

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	<u>09 tháng Năm 2022</u>	<u>09 tháng Năm 2021</u>
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	-	4.190.000.000
- Tiền thu từ đi vay	-	4.190.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	187.252.542.772	9.540.000.000
- Tiền trả nợ gốc vay	187.252.542.772	29.240.000.000

VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC**GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	<u>09 tháng Năm 2022</u>	<u>09 tháng Năm 2021</u>
1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt		
Thu nhập của các thành viên khác trong Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	2.780.864.270	1.720.593.948
Thu nhập của Tổng Giám đốc	704.038.720	522.020.909
2. Giao dịch với các bên liên quan		
2.1. Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	<u>Ngày 30/09/2022</u>	<u>Ngày 30/09/2021</u>
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	-
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	7.179.066.588	7.179.066.588
Phải trả khác	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý III năm 2022 kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

Các hoạt động	Quý III năm 2022	09 tháng Năm 2022	Quý III năm 2021	09 tháng Năm 2021
Vận tải biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	263.177.246.524	770.514.065.495	225.965.493.744	579.104.346.734
- Chi phí	188.400.197.306	562.051.080.650	157.877.677.336	463.357.696.197
- Lợi nhuận	74.777.049.218	208.462.984.845	68.087.816.408	115.746.650.537
Hoạt động dịch vụ				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	12.194.409.329	60.449.512.908	14.266.350.029	48.435.448.805
- Chi phí	11.317.485.432	57.161.720.294	13.261.723.144	46.126.512.042
- Lợi nhuận	876.923.897	3.287.792.614	1.004.626.885	2.308.936.763
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	7.152.117.534	10.020.930.773	5.692.283.028	13.608.525.303
- Chi phí tài chính	3.162.933.110	10.089.780.219	5.808.740.417	17.218.742.304
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	3.989.184.424	(68.849.446)	(116.457.389)	(3.610.217.001)
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	15.034	61.454.244.887	456.400	24.768.884.375
- Chi phí hoạt động khác	49.364.311	51.099.526	376.000	1.000.376.001
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	(49.349.277)	61.403.145.361	80.400	23.768.508.374

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



Dương Ngọc Tú